UBND XÃ NGHĨA DÂN
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH MỤC THU CÁC LOẠI LỆ PHÍ

(Ban hành theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
1	**Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất**			Giảm 40% tiền phí đối với người nộp phí là trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng
1.1	Cấp giấy chứng nhận lần đầu			
a	Cá nhân, hộ gia đình	đồng/giấy chứng nhận	25.000	
b	Tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo	đồng/giấy chứng nhận	100.000	
1.2	Cấp đổi, cấp lại, đăng ký biến động mà thực hiện cấp mới giấy chứng nhận hoặc chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp (không bao gồm trường hợp đăng ký biện pháp bảo đảm)			
a	Cá nhân, hộ gia đình	đồng/giấy chứng nhận	20.000	
b	Tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo	đồng/giấy chứng nhận	50.000	
1.3	Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính			
a	Cá nhân, hộ gia đình	đồng/trích lục, văn bản	10.000	
b	Tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo	đồng/trích lục, văn bản	30.000	
2	**Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam**			
a	Cấp mới giấy phép lao động	đồng/giấy phép	600.000	
b	Cấp lại giấy phép lao động	đồng/giấy phép	450.000	
c	Gia hạn giấy phép lao động	đồng/giấy phép	450.000	
3	**Lệ phí đăng ký kinh doanh**	đồng/lần cấp	50.000	
4	**Lệ phí hộ tịch**			Miễn lệ phí theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Hộ tịch năm 2014 đối với những trường hợp: đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật; đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn, giám hộ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.

4.1	Đăng ký hộ tịch			
a	Khai sinh đúng hạn	đồng	0	
b	Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh không đúng hạn; đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	đồng	10.000	
c	Khai tử đúng hạn	đồng	0	
d	Khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử không đúng hạn; đăng ký lại khai tử)	đồng	10.000	
đ	đăng ký kết hôn	đồng	0	
e	Đăng ký lại kết hôn	đồng	30.000	
g	Nhận cha, mẹ, con	đồng	20.000	
h	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	đồng	20.000	
i	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	đồng	20.000	
k	Đăng ký giám hộ		0	
l	Đăng ký chấm dứt giám hộ		0	
m	Đăng ký giám sát việc giám hộ		0	
n	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ		0	
4.2	Đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài			
a	Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh; đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	đồng	100.000	
b	Khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử; đăng ký lại khai tử)	đồng	100.000	
c	Kết hôn (bao gồm: đăng ký kết hôn; đăng ký lại kết hôn)	đồng	1.500.000	
d	Nhận cha, mẹ, con	đồng	1.500.000	
đ	Đăng ký giám hộ	đồng	60.000	
e	Đăng ký chấm dứt giám hộ	đồng	60.000	
g	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	đồng	30.000	
h	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	đồng	100.000	
5	**Phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch**	đồng/bản sao trích lục	8.000	
6	**Lệ phí chứng thực**			
a	Chứng thực bản sao từ bản chính	đồng/trang bản chính	2.000	2.000 đồng/trang bản chính. Từ trang thứ 03 trở lên thu 1.000 đồng/trang, nhưng mức thu tối đa không vượt quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính
b	Chứng thực chữ ký	đồng/trường hợp	10.000	
c	Chứng thực hợp đồng, giao dịch	đồng/hợp đồng	50.000	
d	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung,	đồng/hợp đồng	50.000	

	huỷ bỏ hợp đồng, giao dịch			
đ	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	đồng/hợp đồng	25.000	
7	**Lệ phí cấp giấy phép xây dựng**			
a	Giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ	đồng/giấy phép	80.000	
b	Giấy phép xây dựng đối với công trình khác	đồng/giấy phép	160.000	
c	Gia hạn giấy phép xây dựng	đồng/giấy phép	20.000	

TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG